

Bản án số:60/2020/HNGĐ-ST
Ngày 28-9-2020
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Sửu

Ông Trần Anh Dũng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sự - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 161/2020/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2020 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 202/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 134/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1981 (có mặt)

Nơi cư trú: thôn Đ, xã , huyện T, tỉnh B.

* *Bị đơn:* Chị Hoàng Thị Nh, sinh năm 1984

Nơi cư trú: thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn Th trình bày:

Anh và chị Hoàng Thị Nh kết hôn tháng 1 năm 2019, anh chị được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh B. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình anh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 6 năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do làm ăn thua lỗ dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm trong công việc, vợ chồng anh chị trước khi kết hôn anh và chị Nh đều có một con riêng nên vợ chồng bất hòa trong quan điểm sống và quan hệ gia đình, anh chị em. Vợ chồng ngày càng căng thẳng, vợ chồng sống ly thân từ tháng 5 năm 2020. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nh.

Về con chung: anh và chị Nh không có con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác: anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà anh Th giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị Nh.

Tại bản tự khai 13/7/2020, bị đơn là chị Hoàng Thị Nh trình bày: chị và anh Th kết hôn tháng 1 năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh B. Việc kết hôn giữa anh chị là hoàn toàn tự nguyện và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết vợ chồng chị chung sống cùng gia đình chồng. Thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến tháng 2 năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh chị không hiểu nhau dẫn đến cãi nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã ly thân, không quan tâm, chăm sóc nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đồng ý ly hôn với anh Th.

Về con chung: chị và anh Th không có con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về ruộng canh tác: chị Nh không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà chị Nh vắng mặt.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo theo quy định.

Đối với những người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Xử cho anh Nguyễn Văn Th được ly hôn chị Hoàng Thị Nh. Anh Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và thẩm tra chứng cứ tại phiên toà, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng: anh Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Nh, có nơi đăng ký hộ khẩu tại thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh B. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên đã thụ lý giải vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

Tại phiên toà chị Nh vắng mặt nhưng chị Nh đã được triệu tập lần thứ hai nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị Nh là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: anh Th và chị Nh kết hôn tháng 1 năm 2019 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T nên hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị đã có thời gian chung sống hạnh phúc. Đến tháng 6 năm 2019, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, quan điểm làm ăn kinh tế, vợ chồng thường xuyên cãi

nhau. Nay anh Th xác định không còn tình cảm với chị Nh và yêu cầu ly hôn. Tại bản tự khai chị Nh đồng ý ly hôn với anh Th. Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn giữa anh Th và chị Nh đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần xử cho anh Th ly hôn chị Nh là phù hợp.

[3] Về con chung: anh Th, chị Nh không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác: anh Th, chị Nh không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: anh Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Văn Th được ly hôn chị Hoàng Thị Nh.

2. Về án phí: anh Nguyễn Văn Th phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0006379 ngày 25 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên. Xác nhận anh Nguyễn Văn Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt (hoặc niêm yết) bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đoàn Thị Oanh

